

Phụ lục 08
NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 8:
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VĂN HÓA
(Kèm theo Thông tư số 07 /2026/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

1. Mục tiêu thực hiện

1.1. Bảo đảm 90% văn nghệ sĩ tài năng, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được lựa chọn đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn, 80% các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật công lập được trang bị đầy đủ, đồng bộ cơ sở vật chất, nhạc cụ, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

1.2. Thực hiện các tiêu chí được ban hành theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg

a) Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về văn hóa và viên chức tại các đơn vị sự nghiệp văn hóa các cấp bảo đảm đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm.

b) Phấn đấu hằng năm thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn lại về kỹ năng quản trị văn hóa mới, nghiệp vụ chuyên ngành và kỹ năng số cho tối thiểu 80% đội ngũ cán bộ văn hóa cấp tỉnh và cấp xã thuộc địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; phấn đấu đạt tỷ lệ 100% đối với các địa bàn còn lại.

c) Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân sự vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao và thư viện cơ sở nhằm đáp ứng các tiêu chí đánh giá, công nhận các danh hiệu văn hóa và đạt các chỉ số về thụ hưởng văn hóa của người dân trong Bộ tiêu chí quốc gia.

1.3. Thực hiện các mục tiêu chiến lược về đào tạo tài năng và nhân lực chất lượng cao

a) Phát hiện, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ tài năng trẻ, văn nghệ sĩ xuất sắc trong các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, di sản văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

b) Xây dựng và phát triển đội ngũ kế cận cho các loại hình nghệ thuật truyền thống, các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một nhằm bảo tồn bền vững và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc.

c) Nâng cao năng lực đội ngũ trí thức, chuyên gia về lý luận phê bình, giám tuyển, phục chế di sản và các chuyên ngành đặc thù mà trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

d) Chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực văn hóa đối ngoại và thông tin đối ngoại nhằm lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới và thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế trong lĩnh vực văn hóa.

2. Yêu cầu thực hiện

2.1. Tuân thủ quy hoạch và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ

a) Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển nhân lực văn hóa hằng năm của bộ, ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực văn hóa.

b) Việc đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn ngạch công chức và yêu cầu của vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm bồi dưỡng đúng các kỹ năng, kiến thức còn thiếu so với chuẩn năng lực quy định.

c) Việc đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật và các ngành đặc thù phải thực hiện theo đúng danh mục ngành nghề ưu tiên; bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, chương trình đào tạo và các đề án đào tạo tài năng đã được phê duyệt.

2.2. Bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực

a) Quy trình tuyển chọn đối tượng thụ hưởng chính sách đào tạo, bồi dưỡng phải thực hiện công khai, minh bạch; bảo đảm đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn và điều kiện quy định.

b) Hoạt động tập huấn phải bảo đảm đúng thành phần, đúng đối tượng cần cập nhật kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu chuyên môn.

c) Thực hiện rà soát, đối chiếu dữ liệu đối tượng thụ hưởng để bảo đảm không chi trùng lặp một nội dung hỗ trợ từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau cho cùng một cá nhân, tổ chức.

2.3. Trách nhiệm và quản lý sau đào tạo, bồi dưỡng

a) Đối tượng được cử đi đào tạo dài hạn ở trong nước và nước ngoài bằng nguồn ngân sách chương trình phải bảo đảm thời gian phục vụ tối thiểu tại cơ quan, đơn vị cử đi hoặc theo sự phân công của cơ quan quản lý nhà nước sau khi tốt nghiệp theo quy định.

b) Đối tượng được cử đi bồi dưỡng có trách nhiệm vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được trang bị vào thực tiễn công tác và tham gia truyền đạt, hướng dẫn lại cho đồng nghiệp hoặc cộng đồng khi có yêu cầu.

c) Kết quả đào tạo, bồi dưỡng phải được số hóa và cập nhật đầy đủ, kịp thời vào Hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực ngành văn hóa để làm căn cứ đánh giá hiệu quả và thực hiện hậu kiểm.

2.4. Đáp ứng xu thế phát triển, nhiệm vụ chính trị và hội nhập quốc tế

a) Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phải thường xuyên được cập nhật, đổi mới nhằm tiếp cận các xu thế quản trị văn hóa hiện đại; tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ, quản lý bằng công nghệ và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động văn hóa.

b) Hoạt động phát triển nguồn nhân lực phải gắn liền với yêu cầu bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo đảm đội ngũ nhân lực có đủ bản lĩnh và năng lực để giữ gìn bản sắc văn hóa trong môi

trường số và hội nhập.

c) Gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của ngành văn hóa trong từng giai đoạn; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh và các thách thức mới trong quản lý nhà nước về văn hóa.

d) Tăng cường các chương trình có yếu tố nước ngoài hoặc liên kết quốc tế nhằm nâng cao năng lực hội nhập; chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân lực đủ khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới.

3. Nội dung thực hiện

3.1. Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa

3.1.1. Nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, tham mưu, quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, công chức, viên chức liên quan đến phát triển văn hóa

(Thực hiện nội dung 8.1.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho từng nhóm đối tượng; bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về nhân lực tại Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg.

b) Tổ chức xây dựng, số hóa chương trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với yêu cầu phát triển văn hóa; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý phát triển đối với nguồn nhân lực văn hóa; bảo đảm tính tương thích với từng nhóm đối tượng quản lý và yêu cầu thực hiện trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số của ngành.

c) Tổ chức các khóa, lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số và năng lực hội nhập cho đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức theo kế hoạch được phê duyệt. Hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện linh hoạt, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm hiệu quả, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

d) Tổ chức các hoạt động trao đổi, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm thực tế tại các địa phương và tại nước ngoài theo đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, nghiệp vụ tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở các cấp

(Thực hiện nội dung 8.1.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng định kỳ hằng năm cho đội ngũ cán bộ văn hóa cấp xã, người làm công tác văn hóa tại thôn, bản, tổ dân phố và nhân sự vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện các cấp; bảo đảm đáp

ứng các chỉ tiêu về nhân lực tại Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện.

b) Tổ chức xây dựng, số hóa tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và các chương trình bồi dưỡng về kỹ năng xây dựng môi trường văn hóa cơ sở; đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực tổ chức hoạt động văn hóa tại cơ sở, quản lý thiết chế, duy trì truyền thống văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa; xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, phòng chống bạo lực gia đình; ứng dụng công nghệ trong việc phổ biến văn hóa; bảo đảm nội dung phù hợp với đặc thù vùng miền và khả năng tiếp nhận của nhân lực cơ sở.

c) Tổ chức các khóa tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng về phương pháp tổ chức hoạt động văn hóa cộng đồng, nghiệp vụ thư viện, bảo tàng, quản lý di tích và kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa mới; ưu tiên bồi dưỡng năng lực thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, vận hành thiết chế văn hóa cơ sở. Hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện linh hoạt, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm hiệu quả, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

d) Tổ chức các hoạt động trao đổi, nghiên cứu, học tập mô hình môi trường văn hóa tiêu biểu và cách thức vận hành thiết chế văn hóa hiệu quả tại các địa phương theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.1.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ công tác văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa tại trung ương và địa phương

(Thực hiện nội dung 8.1.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, bộ học liệu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu; chú trọng kỹ năng thực hành đối ngoại và sử dụng các loại ngôn ngữ phổ biến hoặc ngôn ngữ của các nước có chung đường biên giới; bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về năng lực hội nhập trong Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện

a1) Bồi dưỡng kỹ năng làm công tác đối ngoại chuyên sâu; ngoại ngữ chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại; cán bộ quản lý, nghiên cứu viên, giảng viên tại các viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục; nhằm nâng cao năng lực tham mưu, đàm phán và tổ chức các sự kiện văn hóa mang tầm quốc tế;

a2) Bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin đối ngoại, tuyên truyền về Chiến lược văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa cho cán bộ quản lý, lực lượng vũ trang, đội ngũ báo chí và cán bộ văn hóa cơ sở (đặc biệt là khu vực cửa khẩu, biên giới); nhằm thống nhất nội dung quảng bá hình ảnh địa phương và xử lý hiệu quả các thông tin sai lệch về văn hóa.

b) Tổ chức xây dựng, số hóa chương trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu phát triển văn hóa; đáp ứng yêu cầu nâng cao kỹ năng thực hành đối ngoại và phong tục tập quán các nước đối tác; bảo đảm tính tương thích

với từng nhóm đối tượng và yêu cầu thực hiện chuyển đổi số của ngành.

c) Tổ chức đào tạo chính quy, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ văn hóa đối ngoại, ngoại ngữ và kỹ năng thông tin tuyên truyền cho các nhóm đối tượng nêu tại điểm a mục này.

Hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện linh hoạt, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm hiệu quả, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

d) Tổ chức các hoạt động trao đổi, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm thực tế tại các cơ quan ngoại giao, các tổ chức văn hóa quốc tế trong và ngoài nước theo đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa

3.2.1. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng số và giới cho đội ngũ văn nghệ sĩ, đội ngũ sáng tạo, nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 8.2.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ văn nghệ sĩ và nhân lực sáng tạo; bảo đảm nội dung bám sát yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và các chỉ tiêu phát triển nhân lực chất lượng cao trong Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện.

b) Tổ chức xây dựng, số hóa chương trình và tài liệu bồi dưỡng đa dạng về nội dung: từ lý luận chính trị, kiến thức lịch sử, văn hóa dân tộc đến các kỹ năng hiện đại như ngoại ngữ chuyên ngành, công nghệ thông tin và kỹ năng số trong sáng tạo nghệ thuật; lồng ghép các kiến thức về giới và bình đẳng giới trong hoạt động văn hóa; bảo đảm tính tương thích với đặc thù của từng loại hình nghệ thuật.

c) Tổ chức các khóa, lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp thực chiến; chú trọng cập nhật các xu hướng sáng tạo mới, khả năng ứng dụng công nghệ số trong biểu diễn, sáng tác và bảo tồn di sản; tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và đạo đức nghề nghiệp dành riêng cho đội ngũ văn nghệ sĩ.

Hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện linh hoạt, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm hiệu quả, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

d) Tổ chức các hoạt động trao đổi, thực tập thực tế, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức văn hóa, nghệ thuật uy tín trong và ngoài nước; nhằm giúp đội ngũ sáng tạo cọ xát thực tiễn, nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực chuyên môn trong môi trường hội nhập.

3.2.2. Tập trung đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật ở trung ương và địa phương

(Thực hiện nội dung 8.2.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định

số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, tài liệu, chương trình đào tạo tài năng thuộc các ngành, lĩnh vực như âm nhạc, múa, xiếc, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn hóa, văn học, nhiếp ảnh và các ngành công nghiệp văn hóa.

b) Nghiên cứu xây dựng tiêu chí tuyển chọn tài năng; tiêu chí lựa chọn cơ sở tham gia đào tạo tài năng và phối hợp, liên kết đào tạo ở trong nước và quốc tế.

c) Tổ chức xét chọn, tuyển chọn tài năng theo tiêu chí và quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức đào tạo và hỗ trợ phát triển tài năng

d1) Thực hiện chính sách giảng dạy đối với giảng viên, chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân trong nước tham gia đào tạo tài năng;

d2) Mời giảng viên, chuyên gia nước ngoài giảng dạy các chương trình tài năng;

d3) Hỗ trợ đối với chuyên gia, giảng viên, giáo viên, nghệ sĩ, nghệ nhân, đạo diễn sáng tác, biên kịch, xây dựng chương trình, đề án tiết mục phục vụ đào tạo học sinh, sinh viên tài năng;

d4) Thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên tài năng như cấp bù học phí, học bổng, tác phẩm tốt nghiệp và chế độ trang bị học tập trong quá trình học tập;

d5) Lựa chọn và cử học sinh, sinh viên tài năng tham gia cuộc thi nghệ thuật, triển lãm, trại sáng tác ở trong nước và nước ngoài;

d6) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn ở trong nước và nước ngoài cho học sinh, sinh viên tài năng, giảng viên, nhà giáo, nghệ sĩ tham gia đào tạo tài năng.

3.2.3. Tổ chức lựa chọn, cử học sinh, sinh viên và văn nghệ sĩ tài năng, trí thức trẻ có năng lực, khả năng sáng tạo đi đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài đối với các ngành/lĩnh vực trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo nhưng chất lượng chưa cao ở trung ương và địa phương

(Thực hiện nội dung 8.2.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định về Danh mục các ngành, lĩnh vực trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo nhưng chất lượng chưa cao; xây dựng tiêu chí lựa chọn cơ sở đào tạo ở nước ngoài và cơ sở đào tạo trong nước đủ điều kiện liên kết đào tạo tài năng.

b) Tổ chức lựa chọn, ký kết hợp tác với các cơ sở đào tạo uy tín nước ngoài để thực hiện các chương trình đào tạo, liên kết đào tạo tài năng theo Danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành được nêu tại mục 3.2.3.a Phụ lục này.

c) Thực hiện xét chọn, tuyển chọn đối tượng đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bảo đảm công khai, minh bạch, đúng tiêu chuẩn cho các nhóm: học sinh,

sinh viên đoạt giải quốc gia, quốc tế hoặc có thành tích học tập xuất sắc ; văn nghệ sĩ đoạt giải cao tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp; trí thức trẻ (dưới 35 tuổi) có thành tích sáng tạo nổi bật được công nhận cấp Bộ trở lên.

d) Các đối tượng xét chọn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện

d1) Ngành nghề đào tạo thuộc Danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành được nêu tại mục 3.2.3.a Phụ lục này;

d2) Được Hội đồng tuyển chọn cấp Bộ (hoặc cấp tỉnh đối với nguồn kinh phí địa phương) thông qua;

d3) Có thư mời hoặc thư nhập học chính thức của cơ sở đào tạo nước ngoài thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu thế giới theo các bảng xếp hạng uy tín quốc tế (như Quacquarelli Symonds - QS, Times Higher Education - THE hoặc Bảng xếp hạng học thuật các đại học thế giới - ARWU) mới nhất, hoặc thuộc Danh sách các cơ sở đào tạo uy tín ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

d4) Bảo đảm độ tuổi theo quy định và có văn bản cam kết phục vụ lâu dài trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật tại Việt Nam ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo; thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh theo quy định hiện hành.

đ) Thực hiện các chế độ hỗ trợ đối với người học được tham gia các khóa đào tạo dài hạn (trên 03 tháng) và ngắn hạn (dưới 03 tháng); thực hiện khen thưởng học viên có thành tích xuất sắc và quản lý quá trình học tập theo quy định của pháp luật có liên quan.

e) Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình học tập; xử lý rủi ro phát sinh trong quá trình học tập của người được cử đi đào tạo ở nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

3.2.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về lý luận, phê bình, giám tuyển, giám định, phục chế trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học

(Thực hiện nội dung 8.2.4 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo đại học, sau đại học và các khóa bồi dưỡng ngắn hạn chuyên sâu; chú trọng đào tạo kỹ năng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và giám định kỹ thuật số tác phẩm nghệ thuật; bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về nhân lực chất lượng cao trong Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện cho các nhóm đối tượng

a1) Văn nghệ sĩ, chuyên gia, nhà phê bình, giám tuyển, giám định viên, phục chế viên đang hoạt động trong các lĩnh vực liên quan; ưu tiên những người có thành tích nổi bật hoặc tiềm năng phát triển;

a2) Công chức, viên chức hoạt động chuyên môn tại các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp, giảng viên chuyên ngành thuộc các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật và văn học.

b) Tổ chức xây dựng, số hóa chương trình và học liệu đào tạo về lý luận,

phê bình, giám tuyển, giám định, phục chế; cập nhật các phương pháp phục chế hiện đại và tiêu chuẩn giám định quốc tế; bảo đảm tính tương thích với yêu cầu chuyển đổi số của ngành.

c) Tổ chức các khóa đào tạo chính quy, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài; mời chuyên gia, giám tuyển quốc tế trao đổi kinh nghiệm chuyên môn sâu về sân khấu (kịch nói, cải lương, chèo, tuồng), điện ảnh (phim truyện, tài liệu, hoạt hình), mỹ thuật (hội họa, điêu khắc, đồ họa), văn học (tiểu thuyết, thơ ca, truyện ngắn) đối với đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình.

d) Xây dựng và phát triển cơ sở cộng đồng thực hành giám tuyển bao gồm hạ tầng, vật chất, con người, sự liên kết nội địa và quốc tế nhằm tạo ra môi trường nuôi dưỡng, nâng đỡ và hiện thực hóa các thực hành nghệ thuật.

đ) Tổ chức các hoạt động chuyên môn như tọa đàm, hội thảo, diễn đàn nhằm nhận diện, phân tích, đánh giá về các trào lưu, xu hướng mới xuất hiện ở Việt Nam và trên thế giới, thảo luận về những tác phẩm đang được dư luận và giới chuyên môn quan tâm.

e) Hỗ trợ nghiên cứu, sáng tác tác phẩm lý luận, phê bình chất lượng cao thực hiện theo quy định hiện hành.

g) Cử chuyên gia trong lĩnh vực phục chế, giám tuyển, giám định tham gia các chương trình bồi dưỡng, đào tạo ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các chuẩn mực, phương pháp quốc tế.

3.2.5. Đào tạo, phát triển đội ngũ diễn viên, nhạc công thuộc các loại hình nghệ thuật truyền thống để cung cấp cho các đơn vị nghệ thuật truyền thống ở trung ương và địa phương

(Thực hiện nội dung 8.2.5 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng các loại hình nghệ thuật truyền thống cho diễn viên, nhạc công tại các cơ sở đào tạo, bao gồm: các trường đại học, cao đẳng, trung cấp văn hóa nghệ thuật trung ương, địa phương quản lý; các trung tâm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa có chức năng đào tạo và được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

b) Tổ chức đào tạo tập trung, chuyên sâu diễn viên, nhạc công các loại hình nghệ thuật truyền thống đang có nguy cơ mai một hoặc thiếu nguồn bổ sung nhân lực như: Chèo, Tuồng, Cải lương, Múa rối, Hát Xoan, Hát Then, Cồng chiêng Tây Nguyên, Quan họ, Ca trù, Đờn ca tài tử, Nhã nhạc cung đình và các loại hình nghệ thuật đặc thù khác cho các đối tượng sau:

b1) Công dân Việt Nam có năng khiếu phù hợp; ưu tiên con em nghệ nhân, người dân tộc thiểu số và các đối tượng có cam kết bảo tồn nghệ thuật truyền thống;

b2) Đội ngũ diễn viên, nhạc công đang công tác tại các đơn vị nghệ thuật truyền thống ở trung ương và địa phương có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn.

c) Xây dựng tiêu chí và tổ chức xét tuyển, thi tuyển đặc thù: Học viên phải

trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh do đơn vị đào tạo tổ chức với sự tham gia giám định của Hội đồng nghệ thuật (gồm các Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú hoặc Nghệ nhân ưu tú đầu ngành).

d) Thực hiện các chính sách hỗ trợ (học phí, sinh hoạt phí, trang bị học tập) theo quy định của pháp luật đối với học viên không thuộc diện đang hưởng lương hoặc học bổng từ nguồn kinh phí khác; ưu tiên hỗ trợ đối với học viên có cam kết bằng văn bản hoặc hợp đồng đào tạo 03 bên (học viên - đơn vị đào tạo - đơn vị tiếp nhận sau tốt nghiệp) nhằm bảo đảm đầu ra cho nhân lực sau đào tạo.

đ) Hỗ trợ sáng tác, biên đạo, xây dựng tiết mục mới hoặc phục dựng tiết mục truyền thống phục vụ đào tạo và biểu diễn tốt nghiệp.

e) Hỗ trợ đối với giảng viên, chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân tham gia công tác đào tạo, truyền dạy nghệ thuật truyền thống.

3.2.6. Phát triển nguồn nhân lực đặc thù phục vụ cho lĩnh vực tu bổ, phục hồi di tích, quản lý phát huy giá trị di sản văn hóa ở trong nước và nước ngoài tại những quốc gia có thế mạnh về di sản văn hóa

(Thực hiện nội dung 8.2.6 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, tài liệu, chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn chuyên sâu; chú trọng kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết, khảo sát và thực hành tại thực địa; ứng dụng công nghệ hiện đại trong khảo sát, đo đạc, lập hồ sơ di tích và kỹ thuật bảo quản vật liệu truyền thống.

b) Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng bao gồm: Công chức, viên chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa; người làm công tác chuyên môn tại các đơn vị sự nghiệp, Ban hoặc Trung tâm Quản lý di tích, Bảo tàng công lập có hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu chuyên ngành trong nước và tại các quốc gia có thế mạnh, kinh nghiệm tiên tiến về bảo tồn di sản văn hóa như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ý và các quốc gia khác. Việc đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức các diễn đàn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về quản lý di sản trong bối cảnh phát triển bền vững; cử chuyên gia, kỹ thuật viên tham gia các chương trình thực tập sinh, học tập kinh nghiệm thực tế tại các dự án tu bổ di sản điển hình ở trong và ngoài nước nhằm tiếp cận các chuẩn mực và công nghệ phục chế tiên tiến của thế giới. Việc thực hiện nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3.2.7. Lựa chọn, hỗ trợ và cử văn nghệ sĩ, trí thức, tài năng, giảng viên, giáo viên hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tham dự các cuộc hội thảo, giao lưu, cuộc thi, sáng tạo nghệ thuật, trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm ở trong nước và ngoài nước

(Thực hiện nội dung 8.2.7 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Lựa chọn các hoạt động chuyên môn trọng điểm để cử đối tượng tham gia, bao gồm:

a1) Các hội thảo, giao lưu, liên hoan, triển lãm, cuộc thi quốc tế do UNESCO, các tổ chức, cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật quốc tế uy tín hoặc Chính phủ các nước tổ chức;

a2) Các cuộc thi, giải thưởng cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc các Hội văn học nghệ thuật chuyên ngành trung ương tổ chức, đồng tổ chức;

a3) Các chương trình giao lưu, trao đổi văn hóa, nghiên cứu kinh nghiệm trong khuôn khổ các cam kết, điều ước quốc tế về văn hóa mà Việt Nam là thành viên;

a4) Các chương trình sáng tạo nghệ thuật, trại sáng tác do các quỹ quốc tế uy tín tài trợ.

b) Tiêu chí lựa chọn đối tượng hỗ trợ (phải có văn bản cử tham gia chính thức của cơ quan có thẩm quyền)

b1) Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú; nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật công lập;

b2) Văn nghệ sĩ, trí thức, tài năng trẻ đạt giải thưởng quốc gia hoặc quốc tế;

b3) Giảng viên, giáo viên cơ hữu tại các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

b4) Học sinh, sinh viên tài năng hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật.

c) Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật để bảo đảm phục vụ việc di chuyển, lưu trú, thủ tục nhập cảnh và bảo hiểm; lệ phí tham dự, vận chuyển đạo cụ, nhạc cụ, tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động nghiệp vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động biểu diễn, triển lãm, sáng tạo nghệ thuật; thực hiện khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể đạt giải cao tại các cuộc thi quốc tế chính thức.

3.2.8. Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho chuyên gia lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật ở trong nước trên cơ sở mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời hằng năm hỗ trợ, cử chuyên gia đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài

(Thực hiện nội dung 8.2.8 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, tài liệu và chương trình bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho chuyên gia lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt ưu tiên đối với các lĩnh vực sau:

a1) Chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, opera, nhạc kịch;

a2) Biên đạo múa đương đại, ballet cổ điển;

a3) Đạo diễn sân khấu, điện ảnh, truyền hình;

- a4) Bảo tồn - phục chế di sản vật thể và phi vật thể cấp cao;
- a5) Quản trị nghệ thuật, sản xuất biểu diễn quốc tế, marketing văn hóa;
- a6) Công nghệ âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo sân khấu hiện đại;
- a7) Sáng tác âm nhạc điện tử, âm nhạc phim, thiết kế âm thanh không gian;
- a8) Các lĩnh vực khác phục vụ cho phát triển công nghiệp văn hoá.

b) Tiêu chí lựa chọn chuyên gia tham gia bồi dưỡng phải được Hội đồng tư vấn chuyên môn xét chọn và có cam kết truyền đạt lại kiến thức sau khi hoàn thành khóa bồi dưỡng. Việc lựa chọn chuyên gia lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật để tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Hội đồng tư vấn chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, xét chọn công khai; có cam kết sau khi bồi dưỡng phải đào tạo lại, truyền đạt lại kiến thức cho sinh viên, học viên hoặc giảng viên khác trong vòng 12 tháng (có biên bản truyền đạt kèm theo) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

b1) Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú; giảng viên cao cấp, chuyên gia đầu ngành;

b2) Nghệ sĩ giữ vị trí chuyên môn chủ chốt tại các đơn vị nghệ thuật; giảng viên chính tại các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật trung ương và địa phương.

c) Mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và hướng dẫn chuyên môn tại Việt Nam

c1) Tiêu chuẩn chuyên gia nước ngoài: Đáp ứng các quy định của pháp luật về việc người nước ngoài giảng dạy và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam;

c2) Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm: thù lao giảng dạy; chi phí đi lại, lưu trú; phiên dịch, biên dịch tài liệu; trang thiết bị kỹ thuật, đạo cụ thực hành và các chi phí nghiệp vụ cần thiết khác.

d) Cử chuyên gia đi bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài

d1) Có tiêu chí lựa chọn công khai và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d2) Điều kiện: Có thư mời chính thức từ cơ sở đào tạo, nghiên cứu uy tín thuộc nhóm các cơ sở đào tạo hàng đầu thế giới hoặc theo danh mục do cơ quan có thẩm quyền công nhận;

d3) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ đối với người được cử đi công tác, học tập ở nước ngoài.

3.2.9. Rà soát, bổ sung ngành, nghề đào tạo thí điểm đáp ứng nhu cầu xã hội, xu thế khu vực và thế giới. Phát triển chuyên ngành mỹ học, nghệ thuật học trong các trường khối nhân văn, xã hội nhằm xây dựng, khẳng định các định hướng trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 8.2.9 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất mở mới hoặc thí điểm các ngành, nghề đào tạo đại học và sau đại học thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật mà Việt Nam đang thiếu hoặc có nhu cầu cao theo xu thế quốc tế. Các ngành, chuyên ngành ưu tiên xem xét thí điểm, bao gồm:

- a1) Quản trị và sản xuất biểu diễn quốc tế; nghệ thuật số và công nghệ sáng tạo;
- a2) Thiết kế âm thanh không gian và trải nghiệm; bảo tàng học và quản lý di sản hiện đại;
- a3) Phê bình nghệ thuật đương đại; sáng tác đa phương tiện và nghệ thuật tương tác;
- a4) Chính sách văn hóa và công nghiệp văn hóa; trò chơi điện tử trên mạng;
- a5) Mỹ học liên ngành, nghiên cứu văn hóa và các ngành mới phát sinh khác.

b) Tổ chức thực hiện đào tạo thí điểm

b1) Lựa chọn cơ sở đào tạo chuyên ngành có đủ năng lực để thực hiện thí điểm tối đa 02 khóa (05 năm) trước khi xem xét chuyển sang cơ chế đào tạo thường xuyên;

b2) Tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả đào tạo dựa trên chất lượng đầu ra và nhu cầu xã hội để nhân rộng mô hình.

c) Phát triển chuyên ngành Mỹ học, Nghệ thuật học và các ngành Công nghiệp văn hóa tại các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đại học, học viện khối ngành nhân văn, xã hội đáp ứng các điều kiện sau:

- c1) Có đội ngũ giảng viên chủ chốt theo quy định;
- c2) Có cam kết về nguồn lực đối ứng hợp pháp;
- c3) Có đối tác quốc tế thuộc nhóm các cơ sở đào tạo uy tín tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy.

d) Nội dung triển khai hoạt động đào tạo thí điểm và phát triển chuyên ngành mới

d1) Khảo sát nhu cầu nhân lực; xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo; biên dịch, mua bản quyền giáo trình, tài liệu đào tạo quốc tế;

d2) Mời giảng viên, chuyên gia thỉnh giảng; đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trong nước tại các cơ sở đào tạo quốc tế uy tín;

d3) Đầu tư trang thiết bị thiết yếu, phòng thí nghiệm, Studio chuyên ngành (âm thanh, ánh sáng, nghệ thuật số, công nghệ thực tế ảo (VR/AR) phục vụ đào tạo;

d4) Tổ chức hội thảo quốc tế và các hoạt động chuyên môn liên quan.

đ) Định kỳ hằng năm và sau 05 năm thí điểm, cơ sở đào tạo thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả theo các tiêu chí cam kết về chất lượng đào tạo, tỷ lệ việc làm và khả năng chuyển giao chương trình để cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định việc tiếp tục triển khai. Nếu không đạt ít nhất 70% chỉ tiêu việc làm cam kết, cơ sở đào tạo phải hoàn trả 50% kinh phí đã nhận và không được đề xuất

ngành mới trong 03 năm tiếp theo.

3.3. Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện, phát triển tài năng

3.3.1. Tổ chức các hội thi, hội diễn, chương trình nghệ thuật trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học để tạo sân chơi, thể hiện tài năng cho đội ngũ văn nghệ sĩ

(Thực hiện nội dung 8.3.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức các cuộc thi trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học theo quy định hiện hành để đánh giá, tôn vinh và tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ thể hiện năng lực sáng tạo.

b) Tổ chức dàn dựng, biểu diễn các tác phẩm, chương trình nghệ thuật trọng điểm

b1) Tuyển chọn, thẩm định kịch bản, tác giả, tác phẩm; thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cho các đơn vị nghệ thuật xây dựng chương trình theo định hướng chuyên môn;

b2) Tổ chức sản xuất, dàn dựng, biểu diễn; thực hiện thu âm, ghi hình, phục dựng và số hóa tác phẩm phục vụ công tác quảng bá, lưu trữ di sản nghệ thuật;

b3) Quảng bá, giới thiệu tác phẩm trên các nền tảng số và phương tiện truyền thông theo quy định.

3.3.2. Tổ chức các Hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trong nước và quốc tế tại Việt Nam

(Thực hiện nội dung 8.3.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức Hội thi tài năng trẻ bao gồm hội thi, hội diễn, liên hoan cấp quốc gia và cấp quốc tế do Việt Nam đăng cai tổ chức; hội thi cấp tỉnh, thành phố. Quy mô và chu kỳ tổ chức cụ thể như sau:

a1) Hội thi cấp quốc gia: 02 năm/lần, mỗi lần tối đa 500 - 1.000 thí sinh;

a2) Hội thi, liên hoan quốc tế tại Việt Nam: tối đa 02 năm/lần với quy mô 200 - 400 thí sinh quốc tế và Việt Nam;

a3) Hội thi cấp tỉnh: tối đa 01 năm/lần với quy mô tối đa 200 - 300 thí sinh.

b) Tài năng trẻ bao gồm:

b1) Học sinh, sinh viên (từ 15 đến 28 tuổi tính đến ngày khai mạc) đang học chính quy tại cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật trung ương và địa phương; các cơ sở đào tạo có ngành đào tạo văn hóa, nghệ thuật;

b2) Khuyến khích sự tham gia của học sinh, sinh viên các nước ASEAN và các quốc gia có hợp tác văn hóa chiến lược với Việt Nam tại các hội thi quốc tế.

c) Nội dung thực hiện tổ chức Hội thi

c1) Xây dựng kế hoạch, đề án chuyên môn; bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật sân khấu, thiết bị âm thanh, ánh sáng hiện đại phục vụ trình diễn;

c2) Thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo gồm các chuyên gia, nghệ sĩ uy tín trong nước và quốc tế;

c3) Tổ chức công tác thông tin, truyền thông, thiết kế bộ nhận diện và ấn phẩm chuyên môn phục vụ hội thi theo quy định;

c4) Thực hiện các chế độ hỗ trợ cho thí sinh dự thi và thực hiện khen thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3.4. Phát triển nguồn nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa

3.4.1. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà biên kịch, đạo diễn, quản lý, sản xuất, phát hành, kỹ thuật, công nghệ,... trong các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn,...

(Thực hiện nội dung 8.4.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số và quản trị kinh doanh văn hóa (không bao gồm đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp và đại học).

b) Tổ chức các khóa bồi dưỡng trong và ngoài nước, kết hợp lý thuyết và thực hành thực tập chuyên sâu; nội dung tập trung vào nội dung sau:

b1) Chuyên môn kỹ thuật: Sản xuất phim, đồ họa, âm thanh, kỹ xảo, xây dựng kịch bản, lập trình, vận hành trò chơi điện tử trên mạng (trò chơi giải trí, game); công nghệ số trong sáng tạo nghệ thuật;

b2) Quản trị và khai thác: Marketing văn hóa, quản trị dự án sáng tạo, khai thác bản quyền tác giả và phân phối nội dung trên nền tảng số.

c) Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

c1) Nhà biên kịch, đạo diễn, quản lý sản xuất, phát hành, nhà sáng tạo nội dung, họa sĩ, lập trình viên, kỹ thuật viên, chuyên gia công nghệ trong điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, trò chơi điện tử trên mạng, nghệ sĩ hoạt động tự do, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất độc lập hoặc muốn chuyển đổi nghề sang lĩnh vực sáng tạo; Ưu tiên những cá nhân có thành tích xuất sắc, có tiềm năng đóng góp lâu dài cho ngành hoặc đang trực tiếp vận hành các dự án công nghiệp văn hóa có tính lan tỏa cao;

c2) Một số công chức trực tiếp tham mưu quản lý nhà nước về chuyên môn điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, trò chơi điện tử trên mạng ở trung ương và địa phương;

c3) Giảng viên, viên chức tại cơ sở đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành văn hóa nghệ thuật.

3.4.2. Liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức giáo dục uy tín ở

nước ngoài tổ chức đào tạo thí điểm các ngành/chuyên ngành phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa

(Thực hiện nội dung 8.4.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Tổ chức xây dựng đề án, chương trình đào tạo thí điểm trong các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, nghệ thuật biểu diễn, trò chơi điện tử trên mạng (trò chơi giải trí, game), thiết kế sáng tạo và các ngành sáng tạo mới.

Chương trình đào tạo thí điểm phải có sự tham gia của giảng viên, chuyên gia quốc tế tư vấn, giảng dạy; cam kết chuyển giao công nghệ đào tạo, giáo trình và bảo đảm tính bền vững, nhân rộng sau giai đoạn thí điểm.

b) Việc liên kết với cơ sở đào tạo, tổ chức giáo dục ở nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Giáo dục nghề nghiệp; các Nghị định của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 07/2025/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ và các quy định pháp luật có liên quan, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

b1) Yêu cầu đối tác nước ngoài: Là cơ sở giáo dục được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài; có ít nhất 05 năm kinh nghiệm đào tạo thành công ngành/chuyên ngành tương ứng; đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài công nhận về chất lượng;

b2) Cam kết chuyên môn: Có văn bản cam kết về việc chuyển giao giáo trình, công nghệ đào tạo và hỗ trợ đào tạo đội ngũ giảng viên đối ứng của Việt Nam.

c) Thực hiện công tác quản lý, giám sát và đánh giá: Tổ chức Hội đồng khoa học để đánh giá, nghiệm thu kết quả đào tạo thí điểm; thực hiện việc cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận liên kết.

d) Thực hiện thông tin, tuyên truyền về chương trình đào tạo thí điểm theo quy định hiện hành.

3.4.3. Xây dựng chương trình, phát triển nội dung chuyên ngành đào tạo về công nghiệp văn hóa trong các trường văn hóa nghệ thuật, chú trọng đào tạo về kinh tế, kỹ thuật, công nghệ trong công nghiệp văn hóa

(Thực hiện nội dung 8.4.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Xây dựng đề án, chương trình và phát triển nội dung chuyên ngành đào tạo về công nghiệp văn hóa tập trung vào 03 trụ cột chính, bao gồm:

a1) Kinh tế văn hóa: Bao gồm kinh tế học văn hóa, quản lý tài chính và huy động nguồn lực cho các ngành công nghiệp văn hóa;

a2) Quản trị và Marketing: Quản trị dự án sáng tạo, chiến lược thương hiệu và phát triển thị trường sản phẩm văn hóa, nghệ thuật;

a3) Công nghệ và kỹ thuật số: Ứng dụng công nghệ trong sản xuất, phân phối và tiêu thụ văn hóa (bao gồm: Kỹ xảo hình ảnh (VFX), trí tuệ nhân tạo (AI), Blockchain, Metaverse, các nền tảng Streaming, phân tích dữ liệu (Data Analytics)...) và các công nghệ mới phù hợp với thực tiễn phát triển ngành công nghiệp văn hóa, trò chơi điện tử trên mạng (trò chơi giải trí, game).

b) Nội dung thực hiện

b1) Hỗ trợ nghiên cứu, khảo sát nhu cầu nhân lực; thành lập Ban soạn thảo, Tổ chuyên gia (gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nghệ sĩ, chuyên gia thực tiễn trong các ngành công nghiệp văn hóa) để xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình và tài liệu học tập;

b2) Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học để tham vấn chuyên gia và lấy ý kiến các bên liên quan (doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, hiệp hội nghề nghiệp) về nội dung chương trình;

b3) Dịch thuật, hiệu đính các tài liệu tham khảo, chương trình khung và giáo trình tiên tiến của quốc tế;

b4) Thẩm định, phản biện chương trình đào tạo và nội dung giáo trình thông qua các Hội đồng khoa học độc lập theo quy định;

b5) In ấn, xuất bản và tổ chức thí điểm triển khai chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo có đủ năng lực.

3.5. Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

3.5.1. Đầu tư xây dựng, cung cấp cơ sở vật chất và nâng cấp toàn diện các cơ sở nghiên cứu, đào tạo văn hóa nghệ thuật với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng

(Thực hiện nội dung 8.5.1 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đầu tư trọng điểm, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ sở văn hóa, nghệ thuật và tiêu chuẩn chất lượng đào tạo quốc gia.

b) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và trang bị đồng bộ cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu văn hóa nghệ thuật công lập ở trung ương và địa phương. Đối với các cơ sở đào tạo ngoài công lập, thực hiện theo cơ chế hỗ trợ, khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật, bao gồm:

b1) Hạ tầng đào tạo đặc thù: Xây dựng, nâng cấp hệ thống phòng học chuyên dụng, phòng thực hành hiện đại, xưởng sáng tác, Studio ghi âm, phòng dựng phim, nhà hát thực hành; đầu tư khu nội trú (ký túc xá) bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho học sinh, sinh viên năng khiếu;

b2) Hạ tầng công nghệ và sáng tạo: Xây dựng không gian sáng tạo mở, phòng thí nghiệm công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường (VR/AR); trang bị hệ

thống thiết bị số hóa, máy chủ và hạ tầng kết nối để liên kết, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung về văn hóa, nghệ thuật;

b3) Tiêu chuẩn trang thiết bị: Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ đào tạo chuyên ngành đạt chuẩn theo quy định của Bộ quản lý ngành; ưu tiên các thiết bị công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn xanh và tiết kiệm năng lượng.

3.5.2. Tập trung đầu tư đồng bộ, tổng thể một số trường đại học, viện nghiên cứu trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu tầm cỡ khu vực trong các lĩnh vực: âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu - điện ảnh và văn hóa ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới

(Thực hiện nội dung 8.5.2 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3.5.3. Tập trung nguồn lực, hỗ trợ, thu hút, trọng dụng, tuyển dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân các ngành, nghề truyền thống tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 8.5.3 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Rà soát, nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ thu hút, trọng dụng, tuyển dụng.

b) Bố trí nguồn lực và thực hiện chính sách ưu tiên để thu hút, trọng dụng, tuyển dụng.

3.5.4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số ở trong và ngoài nước

(Thực hiện nội dung 8.5.4 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và ứng dụng công nghệ số, bao gồm:

a1) Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp;

a2) Ứng dụng công nghệ giáo dục hiện đại và các công cụ chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và đào tạo nghệ thuật đặc thù.

b) Đối tượng tham gia đào tạo, bồi dưỡng gồm:

b1) Người làm công tác quản lý giáo dục tại các cơ quan quản lý nhà nước và lãnh đạo các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

b2) Giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên thuộc các cơ sở đào tạo, nghiên

cứu văn hóa nghệ thuật công lập ở trung ương và địa phương;

b3) Ưu tiên các cá nhân đang trực tiếp triển khai các chương trình đổi mới giảng dạy, chuyển đổi số và có tiềm năng đóng góp cho đơn vị.

c) Nội dung thực hiện chuyên môn

c1) Bồi dưỡng chuyên sâu: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy các ngành: âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, văn hóa, văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh, múa, xiếc; bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật;

c2) Phát triển hạ tầng học liệu: Xây dựng học liệu số, hệ thống khóa học trực tuyến đại trà (MOOCs); ứng dụng trường quay ảo, thực tế ảo (VR/AR/MR) trong truyền dạy nghệ thuật;

c3) Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ: Nghiên cứu khoa học về văn hóa nghệ thuật dựa trên các công cụ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, sáng tạo và quản lý nghệ thuật.

3.5.5. Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo thông qua mời chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và nghệ sĩ tài năng ở nước ngoài tham gia giảng dạy, trao đổi, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

(Thực hiện nội dung 8.5.5 của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL)

a) Mời chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, phù hợp với các yêu cầu sau:

a1) Thời lượng và quy mô: Việc mời chuyên gia phải phù hợp với kế hoạch đổi mới chương trình đào tạo, nghiên cứu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ các quy định về quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam;

a2) Định hướng ưu tiên: Ưu tiên mời chuyên gia đến từ các quốc gia, tổ chức có thế mạnh nổi trội về ngành công nghiệp văn hóa, nghệ thuật hàn lâm và các lĩnh vực nghệ thuật mới mà Việt Nam đang có nhu cầu phát triển;

a3) Cam kết chất lượng: Chuyên gia hoặc tổ chức cử chuyên gia có cam kết chuyển giao tài liệu, giáo trình, phương pháp giảng dạy và ít nhất 01 sản phẩm đào tạo cụ thể (như: khung chương trình mới, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, tác phẩm nghệ thuật hoặc dự án sáng tạo chung) sau mỗi đợt làm việc.

b) Nội dung thực hiện

b1) Tổ chức xét chọn chuyên gia thông qua Hội đồng tuyển chọn; ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác chuyên môn theo quy định của pháp luật;

b2) Tổ chức các hoạt động giảng dạy, thuyết trình, hội thảo chuyên đề hoặc hướng dẫn thực hành chuyên sâu;

b3) Bảo đảm các điều kiện phục vụ chuyên môn: địa điểm, trang thiết bị kỹ thuật, đạo cụ, vật liệu thực hành đặc thù như vật liệu làm phim, phần mềm chuyên dụng, nhạc cụ và các yếu tố cần thiết khác;

b4) Thực hiện biên dịch, phiên dịch tài liệu và các nội dung bồi dưỡng chuyên môn;

b5) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và nghiệm thu các sản phẩm chuyển giao sau đợt bồi dưỡng.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì hướng dẫn tổ chức triển khai Phụ lục này; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch, hướng dẫn triển khai hằng năm và theo giai đoạn phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hóa.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng cho từng nhóm đối tượng; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo với các chương trình, đề án khác.

c) Chủ trì xây dựng và ban hành các Danh mục, tiêu chí khung bao gồm:

c1) Danh mục các ngành, lĩnh vực ưu tiên đào tạo trong nước và quốc tế theo từng giai đoạn;

c2) Tiêu chí lựa chọn đối tượng bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, chuyên gia và đối tác quốc tế;

c3) Quy trình xét chọn, đánh giá, nghiệm thu kết quả đào tạo, bồi dưỡng.

d) Hướng dẫn việc thành lập, hoạt động và trách nhiệm của các Hội đồng khoa học, tuyển chọn ở trung ương và địa phương theo quy định.

đ) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo cấp có thẩm quyền về hiệu quả thực hiện Phụ lục này.

4.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực văn hóa tại địa phương; lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả theo phân cấp.

c) Thành lập các Hội đồng tuyển chọn, khoa học cấp tỉnh đối với các nhiệm vụ sử dụng ngân sách địa phương; thực hiện xét chọn, cử đối tượng tham gia các hoạt động đào tạo, thi đấu, giao lưu theo đúng tiêu chí.

d) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và các vấn đề phát sinh tại địa phương về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4.3. Các cơ quan liên quan và đơn vị thực hiện

a) Đối với các cơ quan quản lý liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao

a1) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai các nhiệm vụ theo

từng giai đoạn và hằng năm; gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp theo quy định;

a2) Tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao; lồng ghép với các chương trình, đề án có liên quan;

a3) Thẩm định, phê duyệt các chương trình đào tạo, liên kết quốc tế theo thẩm quyền; phối hợp tháo gỡ khó khăn và bảo đảm tính đồng bộ trong các nhiệm vụ liên ngành;

a4) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Đối với các cơ sở đào tạo, đơn vị sự nghiệp và tổ chức thực hiện

b1) Xây dựng chương trình, kế hoạch chi tiết; bảo đảm chất lượng nội dung, đội ngũ giảng viên và hạ tầng kỹ thuật theo quy định;

b2) Quản lý người học, tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả; thực hiện chế độ báo cáo, nghiệm thu và quyết toán kinh phí theo quy định pháp luật;

b3) Chịu trách nhiệm về chất lượng đầu ra; thực hiện nghiêm túc các cam kết về chỉ tiêu, hiệu quả sử dụng ngân sách và các nghĩa vụ pháp lý liên quan. 